TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **63**/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 18-01-2019
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung.
Bà Quách Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn H2oàng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2018/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 489/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6386/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1969; địa chỉ thường trú: Số X đường S, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số X2 đường S, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phùng Thị Ngọc H1, Luật sư Văn phòng luật sư V, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số X3 đường D, Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1959; địa chỉ thường trú: Số X đường S, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H3, Luật sư Văn phòng luật sư V1, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số X2 đường D1, Phường P2, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Huỳnh T**, sinh năm 1961; địa chỉ: Số X3 đường D2, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1952; địa chỉ: Số X4 đường D3, Phường P3, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn H2 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 1/2004, ngày 08 tháng 7 năm 2004 do Ủy ban nhân dân Phường P4, Quận Q4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại nhà cha mẹ của ông H2, cuộc sống chung hạnh phúc. Đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, ông H2 nuông chiều con thái quá. Ngoài ra, ông H2 không tôn trọng bà và gia đình, họ hàng phía bên bà; vợ chồng thường xuyên xô xát, ông H2 chửi rủa và nhục mạ bà một cách thậm tệ. Từ năm 2011 đến nay, vợ chồng bà đã ly thân mặc dù vẫn sống chung nhà. Bà H xác định đã không còn tình cảm với chồng nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn H2 có 01 con chung là Nguyễn Thiên P, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2009. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, bà và ông H2 đã tạo lập được tài sản chung là nhà và đất tại Số X đường S, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh do vợ chồng bà mua vào năm 2007 bằng tiền tiết kiệm từ các khoản thu nhập của hai người. Vì thời điểm mua nhà đã lâu nên bà không nhớ giá mua nhà là bao nhiêu. Bà yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là nhà và đất nêu trên, bà được nhận ½ giá trị tài sản.

Ngoài ra, giữa bà và ông H2 còn có tài sản chung là nhà và đất tại số X5 đường D4, Phường P4, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà xin rút phần yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Văn H2 trình bày như sau:

Ông thừa nhận nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị Thu H về thời điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và về con chung. Tuy nhiên giữa ông và bà H không có mâu thuẫn, vợ chồng có cãi vã nhưng chỉ là những vấn đề nhỏ trong sinh hoạt gia đình. Ông xác định không hề xúc phạm bà H và gia đình bà H, ngược lại bà H còn xúc phạm cả gia đình ông, không tôn trọng chị gái ông. Ngay sau khi kết hôn bà H đã không tôn trọng ý kiến của ông, bà H kết hôn với ông chỉ vì tài sản. Nhưng do ông vẫn còn tình cảm với bà H và mong muốn con chung được sống với cả cha và mẹ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông không đồng ý với yêu cầu của bà H về việc bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do ông không muốn ly hôn với bà H nên không trình bày ý kiến hay yêu cầu gì về vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Ông không đồng ý với yêu cầu của bà H vì căn nhà Số X đường S, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh được mua bằng tài sản riêng của ông có được từ tiền bán nhà của cha mẹ để lại.

Tại đơn phản tố ngày 31 tháng 8 và ngày 23 tháng 10 năm 2017 bị đơn ông Nguyễn Văn H2 yêu cầu xác định các tài sản sau đây là tài sản riêng của ông:

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ Số X đường S, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh;

- ½ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số X5 đường D4, Phường P4, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; phần còn lại thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng V.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và đơn yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 5 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày như sau:

Bà đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn H2 về việc nhà và đất tại số X5 đường D4, Phường P4, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà và ông H2, mỗi người sở hữu ½ giá trị tài sản. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H2 và yêu cầu độc lập của bà vì đây là tài sản do bà và ông H2 bỏ tiền ra mua, nguồn tiền có được từ tiền bán căn nhà số X6 đường D5, Phường P4, Quận Q4, Thành phố Hồ Chí Minh của cha mẹ bà chết để lại.

Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T trình bày như sau:

Ông là người hiện đang trực trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà số X5 đường D4, Phường P4, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà do ông mua từ vợ chồng ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Thu H theo hợp đồng ký kết ngày 19 tháng 01 năm 2016; hiện tại ông đã thanh toán cho ông H2 số tiền 1.500.000.000 đồng nhưng do bà H không hợp tác để hoàn tất các thủ tục liên quan nên chưa thực hiện xong hợp đồng mua bán. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 489/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, 189, Điểm a Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 33, 34, 51, 56, 7, 58, 59, 64, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Nguyễn Văn H2.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H2 có 01 con chung là Nguyễn Thiên P, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2009. Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án còn giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của các đương sự; tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 8 năm 2018, bị đơn ông Nguyễn Văn H2 có đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm về phần con chung và tài sản chung, nợ chung; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết lại vụ án theo hướng: Giao con chung cho ông T tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông về xác định quyền sở hữu riêng của ông đối với nhà và đất tại Số X đường S, Phường P, Quận

Q, Thành phố Hồ Chí Minh và ½ quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà và đất tại số X5 đường D4, Phường P4, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án, do có một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H2 đối với bản án sơ thẩm là quá hạn, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên họp và không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông H2 đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về tài sản chung (Theo quyết định số 72/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2018). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về phần con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H2 giữ nguyên yêu cầu, xác định kháng cáo bản án sơ thẩm phần giải quyết vấn đề về con chung, ông không đồng ý giao con chung là trẻ Nguyễn Thiên P cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì ông mới là người chăm lo cho con trong cuộc sống hằng ngày từ sinh hoạt đến học tập. Nguyện vọng của con chung mong muốn được ở với mẹ do Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là không đúng. Do đó, bị đơn và và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết giao con chung cho ông H2 nuôi dưỡng, ông H2 không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Đồng thời với lời trình bày của mình, ngày 25 tháng 10 năm 2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn H2 đã giao nộp cho Tòa án Vi bằng số 1606/2018/VB-TPLQ.TĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 do Văn phòng Thừa phát lại quận Q5 với nội dung ghi nhận ý kiến của trẻ Nguyễn Thiên P có nguyện vọng được ở với ông H2 trường hợp cha mẹ ly hôn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H2 vì thực tế bà H mới là người chăm sóc cho con từ khi sinh ra cho đến khi bị ông H2 đuổi ra khỏi nhà vào đầu năm 2018 và ngăn cản không cho gặp con. Tại Tòa án nhân dân Quận Q, con chung đã trình bày mong muốn được ở với bà H; ông H2 cho rằng ý kiến này của con chung là không tự nguyện hoàn toàn không có cơ sở. Hiện tại bà H có việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng đủ khả năng đảm bảo mọi điều kiện về nuôi dưỡng, học tập cho con chung; tại phiên tòa phúc thẩm, ông H2 cũng đã thừa nhận mình không đủ khả năng về kinh tế để lo cho con. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại

diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Việc Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị đơn ông Nguyễn Văn H2 đối với quyết định của bản án sơ thẩm về phần tài sản là có căn cứ. Về con chung: Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 trình bày việc lấy ý kiến của con chung trên 07 tuổi do Tòa án nhân dân Quận Q thực hiện là do trẻ không tự nguyện nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Khi xem xét quyết định giao con chung cho cha hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tham khảo nguyện vọng của con chung, đã đánh giá toàn diện khả năng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trong việc đảm bảo các điều kiện sinh sống, học tập của con. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao con chung cho mẹ là bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H2 đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về con chung làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm là Vi bằng số 1606/2018/VB-TPLQ.TĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 do Văn phòng Thừa phát lại quận Q5 lập ghi nhận buổi làm việc giữa các ông/bà: Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Ý Lan, bé Nguyễn Thiên P: Việc phía bị đơn giao nộp chứng cứ không thuộc trường hợp quy định tại Điều 287 của Bộ luật Tố tụng dân sự về tài liệu, chứng cứ đương sự được quyền bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập tại giai đoạn sơ thẩm để giải quyết vụ án.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H2, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân; về tài sản chung, nợ chung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, giải quyết cho bà H được ly hôn ông Nguyễn Văn H2; đồng thời giải quyết tranh chấp về tài sản chung theo yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát không có kháng nghị, các đương sự không có kháng cáo hợp lệ để xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm nên phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân và tài sản chung, nợ chung đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung:

Giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H2 có 01 con chung là trẻ Nguyễn Thiên P, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2009.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H2 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần này với lí do nguyện vọng thực sự của con chung là được ở với ông thể hiện tại Vi bằng mà ông cung cấp trước phiên tòa phúc thẩm. Hơn nữa, ông mới là người chăm lo cho con trong cuộc sống hàng ngày; ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung vì ông có khả năng đảm bảo tốt cuộc sống của con chung cả về vật chất lẫn tinh thần.

Xét, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, khi vợ chồng ly hôn mà không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi, có xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ghi nhận ý kiến của con chung trẻ Nguyễn Thiên P là thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn cho rằng nguyện vọng của trẻ P mà Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là do trẻ bị ép buộc nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Hơn nữa, Tòa án quyết định giao con cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng có xem xét đến nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên nhưng vẫn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trên cơ sở xem xét khả năng đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện của trẻ, xét quyền lợi về mọi mặt của con chung ở thời điểm hiện tại, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bà Nguyễn Thị Thu H có công việc và thu nhập hàng tháng ổn định, có điều kiện chăm lo cho trẻ P. Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 kháng cáo yêu cầu giao con chung cho mình nuôi dưỡng nhưng không đưa ra được lí do cùng tài liệu, chứng cứ làm cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho mẹ là bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Do đó, cần giữ nguyên quyết định của

bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về cấp dưỡng: Việc bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm như luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn ông Nguyễn Văn H2 đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần con chung vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H2, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 489/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh về phần con chung như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H2 có 01 con chung là Nguyễn Thiên P, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2009. Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không T tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

III. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hợp lệ, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

IV. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0010105 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND Quận Q, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận Q, Tp. HCM;
- UBND Phường P4, Quận Q4, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn